

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/DS-PT

Ngày 27-03-2026

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản, chia tài sản chung, quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản gắn liền với đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản, chia tài sản chung, quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản gắn liền với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2026 và số 15/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026; Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 14/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956. Số căn cước công dân: 020156000*** cấp ngày 25/3/2021; địa chỉ: Số nhà ***, đường L, thôn H, xã C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1965. Số căn cước công dân: 020065001*** cấp ngày 02/01/2025; địa chỉ: Số nhà ***, phố M, khối *, phường T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Khắc T: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Số căn cước công dân: 020192001*** cấp ngày 24/4/2021; địa chỉ: Số ***, Phố M, khối *, phường T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Khắc T: Ông Chu Văn T – Luật sư thuộc công ty Luật TNHH Một thành viên G; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Ông Nguyễn Thế K1, sinh năm 1962. Số căn cước công dân: 020062000*** cấp ngày 29/3/2021; địa chỉ: Số ***, đường Đ, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. Ông Nguyễn Ngọc K2, sinh năm 1970. Số căn cước công dân: 020070000*** cấp ngày 29/3/2021; địa chỉ: Số ***, đường Đ, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Phương T; địa chỉ: Số ***, đường N, thôn V, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Số căn cước công dân: 020158000*** cấp ngày 27/3/2021. Đã chết ngày 22/4/2025.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Hải Đ, anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N.

3. Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1947; vắng mặt

4. Anh Nguyễn Hải D, sinh năm 1980; vắng mặt

5. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1982; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Số căn cước công dân: 020160000*** cấp ngày 27/3/2021; địa chỉ: Số **, đường T, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

7. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1967. Số căn cước công dân: 020167008*** cấp ngày 09/01/2022; địa chỉ: Số **, P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

8. Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1971; vắng mặt

9. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 2000; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số ***, đường Đ, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn.

10. Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Hứa Thị V, sinh năm 1967. Số căn cước công dân: 020167000***; vắng mặt.

12. Chị Nguyễn Bích H sinh năm 1995. Số căn cước công dân: 020195001***; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số **, N, phường T, tỉnh Lạng Sơn.

13. Chị Nguyễn Bích N, sinh năm 2002. Số căn cước công dân: 020302000***; địa chỉ: Số ***, đường Đ, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Ông Đặng Xuân H, sinh năm 1934; vắng mặt.

15. Ông Đặng Xuân C, sinh năm 1969; vắng mặt.

16. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1973; vắng mặt.

17. Chị Đặng Thị Thanh M, sinh năm 1998; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số nhà ***, phố M, khối 9, phường T, tỉnh Lạng Sơn.

18. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967. Số căn cước công dân: 020167001*** cấp ngày 04/6/2024; có mặt.

19. Chị Nguyễn Phương A, sinh năm 2004; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà ***, Phố M, khối *, phường T, tỉnh Lạng Sơn.

20. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số ***, Phố M, khối *, phường T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

21. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số **, đường C, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Minh D – Phó phòng Kinh tế, Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

22. Ngân hàng N; địa chỉ: Số **, đường L, phường G, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền : Ông Lê Minh T - Cán bộ phòng khách hàng, Ngân hàng N - Chi nhánh C Lạng Sơn; vắng mặt.

23. Ông Lý Tiến D, sinh năm 1962; địa chỉ: Đường C, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

24. Ông Lâm Hoài T, sinh năm 1965; địa chỉ: Đường C, thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Khắc T, bị đơn có yêu cầu phản tố trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Nguyễn Tất V (chết năm 1984) và cụ Nguyễn Thị D (chết năm 1996) có 09 người con đẻ gồm ông Nguyễn Thích V (chết năm 1972 khi tham gia kháng chiến chống Mỹ, là Liệt sỹ, không có vợ con); bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Phương T; bà Nguyễn Kim H; bà Nguyễn Thị H (đã chết ngày 25-3-2025 âm lịch, vào ngày 22-4-2025 dương lịch, có chồng là ông Nguyễn Hải Đ và 02 con anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N); bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Thế K1 (có vợ là bà Hứa Thị V và 02 con Nguyễn Bích H, Nguyễn Bích N); ông Nguyễn Khắc T (có vợ là bà Đặng Thị T và 02 con Nguyễn Thị T, Nguyễn Phương A); ông Nguyễn Ngọc K2 (có vợ là bà Nguyễn Bích T và 02 con Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Hải Y). Cụ Nguyễn Tất V và Nguyễn Thị D không có con riêng, con nuôi nào khác.

Khi chết đi hai cụ để lại 01 mảnh đất, ban đầu có tổng diện tích khoảng **486,6m²** đất ở (Kí hiệu loại đất là: T), tại khu C (khu T), thị trấn Đ, nay là thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc đất của hai cụ Nguyễn Tất V và cụ Nguyễn Thị D mua lại từ năm 1965 của ông Nguyễn Văn C (đã chết từ lâu, không rõ năm chết). Thời điểm này hai cụ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), không đứng tên trên các tài liệu quản lý nhà nước về đất đai.

Năm 1975, hai cụ xây căn nhà cấp 4 bằng gạch (02 gian nhà) trên vị trí 03 thửa đất và bếp, chuồng lợn bằng gạch.

Năm 1984, cụ Nguyễn Tất V chết không để lại di chúc.

Năm 1991, cụ Nguyễn Thị D xây thêm 01 gian nhà cấp 4 bằng gạch, tổng là 03 gian nhà cấp 4 trên vị trí 03 thửa đất. Cùng năm, 03 anh em trai K1, T, K2 được cụ Nguyễn Thị D cho quản lý, sử dụng mỗi người một diện tích đất và 01 gian nhà trên đất ở riêng.

Năm 1996, cụ Nguyễn Thị D chết không để lại di chúc.

Năm 1999, thị trấn Đ được đo đạc bản đồ địa chính (tờ bản đồ 25b), mảnh đất ban đầu được chia thành 03 thửa đất số 103, 104, 105 và cùng năm 1999 nhà nước đã thu hồi một phần diện tích như đã thể hiện tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trong quá trình giải quyết vụ án nên tổng diện tích đất còn có là **462,9m²** đất ở đô thị, cùng tờ bản đồ 25b bản đồ địa chính thị trấn Đ nay là xã C tỷ lệ 1/500, lập năm 1999-2000, tọa tại thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn (khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cũ). Thửa đất của anh em trai nào được mẹ chỉ chia đất cho quản lý, sử dụng thì người đó ký nhận thửa đất của mình. Trong đó:

Thửa đất số 103, diện tích 186,6m², đất ở tại đô thị, tờ bản đồ số 25b của ông K1 ký nhận hình thể, đứng tên quy chủ, đăng ký kê khai, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948469, số vào sổ cấp GCN: 00436 QSDD/L245/QĐ-UB, ngày 21-8-2003 cho hộ ông Nguyễn Thế K1 (*sau đây viết tắt: thửa 103*). Hiện trạng ông Nguyễn Thế K1 quản lý, sử dụng diện tích 185,0m² đất (thửa tạm 103.1) và tài sản gắn liền với đất; diện tích còn lại 1,6m² đất (thửa tạm 103.2) và tài sản gắn liền với đất nằm ngoài diện tích tường xây của thửa tạm 103.1 do ông Lâm Hoài T và ông Lý Tiến

D đang quản lý, sử dụng.

Thửa đất số 104, diện tích 138,0m², đất ở tại đô thị, tờ bản đồ số 25b của ông T ký nhận hình thê, đứng tên quy chủ, đăng ký kê khai, đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948470, số vào sổ cấp GCN: 00435 QSDĐ/L245/QĐ-UB, ngày 21-8-2003 cho hộ ông Nguyễn Khắc T tức Nguyễn Văn T (*sau đây viết tắt: thửa 104*). Hiện trạng ông Nguyễn Khắc T quản lý, sử dụng diện tích 120,9m² đất (thửa tạm 104.1) và tài sản gắn liền với đất; diện tích 14,4m² đất (các thửa tạm 104.3, 104.4, 104.5, 104.6) do ông Nguyễn Ngọc K2 đã xây dựng công trình tường nhà ở, bức tường ngăn, bức tường xây gạch chỉ, móng bê tông, tường nhà cấp 4 đang xây; diện tích còn lại 2,7m² đất (thửa tạm 104.2) và tài sản trên đất là sân bê tông nằm ngoài diện tích tường xây của thửa 104 do ông Lâm Hoài T đang quản lý, sử dụng.

Thửa đất số 105, diện tích 138,3m², đất ở tại đô thị, tờ bản đồ số 25b, ông K2 ký nhận hình thê, đứng tên quy chủ, đăng ký kê khai, đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948468, số vào sổ cấp GCN: 00437 QSDĐ/L245/QĐ-UB, ngày 21-8-2003 cho hộ ông Nguyễn Văn K2 tức Nguyễn Ngọc K2 (*sau đây viết tắt: thửa 105*). Hiện trạng ông Nguyễn Ngọc K2 quản lý, sử dụng diện tích 130,4m² (thửa tạm 105.1) và tài sản gắn liền với đất; diện tích 5,7m² đất (thửa tạm 105.2) và tài sản trên đất là sân bê tông nằm ngoài diện tích tường xây của thửa tạm 105.1 do ông Lâm Hoài T đang quản lý, sử dụng; diện tích còn lại 2,2m² đất (thửa tạm 105.3) và tài sản trên đất là tường xây do Ngân hàng N - Chi nhánh C Lạng Sơn đang quản lý, sử dụng.

Năm 2006, ông Nguyễn Ngọc K2 xây thêm nhà ở 02 tầng trên phần đất đằng sau gian nhà cấp 4 mà ông K2 được chia, khi xây đã lấn chiếm sang thửa 104 của ông Nguyễn Khắc T.

Năm 2020, do mưa đá nên gian nhà cấp 4 cũ của hai cụ đã bị sập, ông Nguyễn Thế K1 đã phá dỡ để xây ngôi nhà 02 tầng cấp 3 của gia đình riêng ông Nguyễn Thế K1 hiện nay; ông Nguyễn Khắc T sửa lại gian nhà cấp 4 cũ của hai cụ để lại, mục đích để cho thuê.

Năm 2024, ông Nguyễn Ngọc K2 tiếp tục xây lại nhà cấp 4 lấn thửa 104 nên xảy ra tranh chấp với ông Nguyễn Khắc T. Tháng 5/2024 UBND huyện C đã đình chỉ xây dựng nên ngôi nhà cấp 4 hiện nay của ông Nguyễn Ngọc K2 chưa hoàn thiện xong.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu:

- Chia thừa kế tài sản đối với diện tích 03 thửa đất 103, 104, 105 theo hiện trạng sử dụng thực tế: cụ thể thửa 103 có diện tích 185m²; thửa 104 có diện tích 135,3m²; thửa 105 có diện tích 130,4m². Không yêu cầu chia giá trị tài sản, vật kiến trúc trên đất do hai cụ tạo lập để lại. Trong đó: Chia di sản thừa kế của hai cụ để lại là 1/2 diện tích của thửa đất số 103, tương ứng với diện tích là 92,5m² và thửa 105, tương ứng với diện tích là 65,2m² theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế của hai cụ được hưởng kỹ phần tài sản thừa kế bằng tiền; đối với 1/2 diện

tích của thửa đất 103, 105 yêu cầu để ông K1 và ông K2 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản gắn liền với đất của các ông xây dựng tạo lập, buộc các ông K1, K2 có trách nhiệm thanh toán trả giá trị đất bằng tiền tương ứng với kỹ phần thừa kế được hưởng cho hàng thừa kế.

- Đối với 1/2 diện tích thửa đất 104 theo hiện trạng sử dụng thực tế, tương ứng với diện tích là 67,65m², nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật bằng đất cho đồng thừa kế được hưởng kỹ phần thừa kế đất bằng nhau và nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán trả giá trị kỹ phần thừa kế bằng tiền tương ứng với kỹ phần thừa kế bị đơn được hưởng cho bị đơn và đồng thừa kế còn lại theo quy định pháp luật; còn lại 1/2 diện tích thửa đất 104 là 67,65m² nguyên đơn yêu cầu được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất và thanh toán trả giá trị 67,65m² đất cho bị đơn theo giá đất đã được Hội đồng định giá trong vụ án, để nguyên đơn được quản lý, sử dụng thửa 104 diện tích theo hiện trạng 135,3m² và sở hữu tài sản gắn liền với diện tích 135,3m² đất sử dụng làm nhà thờ bố, mẹ tổ tiên tại thửa 104.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức quản lý di sản cho 03 ông K1, T, K2 mỗi người được hưởng công sức quản lý di sản của bố, mẹ để lại tương ứng bằng giá trị 01 kỹ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

- Đối với tài sản công trình, vật kiến trúc, cây trồng khác do các ông K1, T, K2 xây dựng, trồng gắn liền với diện tích hiện trạng sử dụng thực tế của 03 thửa 103, 104, 105 nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí mai táng phí, vì tất cả các anh chị em đều cùng nhau đóng góp chi phí mai táng phí cho bố, mẹ; đối với tiền bồi thường diện tích đất và tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi làm đường nội, vì các ông K1, K2, T đã nhận, nay không có tranh chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Khắc T có yêu cầu phản tố:

- Yêu cầu xác định đất tranh chấp theo hiện trạng sử dụng thực tế của thửa đất 104 là 135,3m² và tài sản gắn liền với đất (căn nhà, các tài sản, công trình, cây trồng) là tài sản riêng của ông T được quyền quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất thửa 104 nêu trên. Trường hợp Tòa án xác định có căn cứ xác định nhà, đất thửa 104 theo hiện trạng thực tế sử dụng là di sản thì bị đơn yêu cầu xác định di sản riêng của 02 cụ V và cụ D, hay di sản trong khối tài sản chung của hộ bị đơn và bị đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

- Đối với diện tích 14,4m² ông K2 xây công trình lấn chiếm sang thửa 104, ông T yêu cầu di dời tài sản và ông K2 phải tự chịu chi phí di dời, tài sản nào không thể di dời thì yêu cầu ông K2 phải thanh toán trả giá trị đất.

Ông Nguyễn Thế K1 có yêu cầu độc lập:

- Yêu cầu chia tài sản chung và xác định 1/2 diện tích của mỗi thửa đất là tài sản, di sản do bố, mẹ để lại để đem ra chia thừa kế theo quy định pháp luật cho các anh, chị, em.

- Yêu cầu được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 103; được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất 103 của ông xây dựng, tạo lập (bao gồm cả tài sản của ông xây dựng, tạo lập trên 1/2 diện tích chia thừa kế), để ông cùng gia đình riêng có nhà, đất để ở, vì ngoài thửa đất đang tranh chấp này ra thì ông cùng gia đình mình không còn đất ở chỗ nào khác; ông sẽ có trách nhiệm thanh toán trả giá trị kỷ phần đất theo giá đất đã được Hội đồng định giá trong vụ án này cho hàng thừa kế của bố, mẹ ông theo quy định pháp luật.

- Đối với tài sản 01 bức tường xây gạch chỉ, chất một mặt, kích thước 1,58m x 1,35m của ông K1 xây năm 2020 trên thửa 104, mục đích chỉ để chống trộm, không lấn chiếm, nay ông không có yêu cầu gì với tài sản này, trường hợp đương sự nào được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp tại thửa 104 thì ông nhất trí để đương sự đó được quyền sở hữu tài sản này.

Ông Nguyễn Ngọc K2 có yêu cầu độc lập:

- Yêu cầu chia tài sản chung và xác định 1/2 diện tích của mỗi thửa đất là tài sản, di sản do bố, mẹ để lại để đem ra chia thừa kế theo quy định pháp luật cho các anh, chị, em.

- Yêu cầu được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 105 theo hiện trạng thực tế sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất 105 của ông xây dựng, tạo lập, để ông cùng gia đình riêng có nhà, đất để ở, vì ngoài thửa đất đang tranh chấp này ra thì ông cùng gia đình mình không còn đất nào khác; ông sẽ có trách nhiệm thanh toán trả giá trị kỷ phần đất theo giá cho hàng thừa kế của bố, mẹ ông theo quy định pháp luật.

- Không nhất trí đối với việc bị đơn ông T cho rằng ông đã lấn chiếm 14,4m² thuộc thửa 104 vì ông cho rằng ông xây dựng công trình vẫn nằm trong diện tích thửa đất 105 của hộ ông đã được cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Kim H trình bày: Nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không ai có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Hoài T trình bày: Ông là hàng xóm của các hộ gia đình ông K1, ông T, ông K2 và là chủ sử dụng thửa đất 94 giáp ranh phía sau của khu đất tranh chấp. Đối với phần diện tích 1,6m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc một phần diện tích thửa 103 đã cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho hộ ông K1, hiện trạng nằm ngoài diện tích tường xây của thửa đất 103 và do ông Lý Tiên D và ông mỗi người đang quản lý, sử dụng một phần; đối với diện tích 2,7m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc một phần diện tích thửa 104 đã cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho hộ ông T và diện tích 5,7m² đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc một phần diện tích thửa 105 đã cấp GCNQSDĐ năm

2003 cho hộ ông K2, hiện trạng nằm ngoài diện tích tường xây của các thửa đất 104, 105 và do ông đang quản lý, sử dụng, tuy nhiên, giữa các gia đình từ trước đến nay không tranh chấp. Nay các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông cũng nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này, không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Tiến D trình bày: Ông là hàng xóm của các hộ gia đình ông K1, ông T, ông K2 và là chủ sử dụng thửa đất 93 giáp ranh, nhà và đất ông ở phía sau khu đất tranh chấp. Đối với phần diện tích 1,6m² thuộc diện tích còn lại của thửa 103 đã cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho hộ ông K1, hiện trạng nằm ngoài diện tích tường xây của thửa đất 103 và do ông Lâm Hoài T và ông mỗi người đang quản lý, sử dụng một phần, giữa các gia đình từ trước đến nay không tranh chấp. Nay các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy ông cũng nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này, không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lạng Sơn do ông Hoàng Minh D, Phó trưởng phòng Kinh tế xã C, tỉnh Lạng Sơn trình bày:

Cụ Nguyễn Tất V và cụ Nguyễn Thị D sinh sống tại địa phương đến khi chết, khu đất chưa được kê khai, chưa được cấp GCNQSDĐ và cũng không có tài liệu giấy tờ của cơ quan Nhà nước lưu giữ liên quan đến việc hai cụ đăng ký khu đất nêu trên. Đến năm 1998, 1999 khi đo đạc bản đồ địa chính thị trấn Đ, mới xác định đối tượng sử dụng đất cho 03 thửa 103, 104, 105 là ông T, ông K1, ông K2.

Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với cả 03 thửa 103, 104, 105 tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (theo mẫu đơn số 06a/ĐK), phân xác nhận ý kiến của cơ quan địa chính cấp có thẩm quyền chưa có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hồ sơ đăng ký đều có sự tẩy xóa và phân xác nhận ý kiến của cơ quan địa chính cấp có thẩm quyền chưa có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cũng như việc năm 2001, Nhà nước mới thực hiện lập hồ sơ thu hồi đất để làm đường nối từ quốc lộ 1A vào thị trấn Đ, nên trên đơn kê khai vẫn ghi ngày 18-11-1999 là không đúng, do đó hồ sơ kê khai chưa đảm bảo tính pháp lý.

Quá trình đo đạc bản đồ địa chính năm 1999 đối với 03 thửa đất tranh chấp 103, 104, 105 và quá trình cấp GCNQSDĐ năm 2003 đối với 03 thửa cho 03 ông UBND thị trấn Đ (cũ) không nhận được ý kiến hoặc đơn kiến nghị, khiếu nại của người dân về tranh chấp đất liên quan đến kết quả đo đạc, cũng như 03 hộ gia đình ông K1, T, K2 thực hiện đăng ký, kê khai năm 1999 và cấp GCNQSDĐ. Năm 2024, có xảy ra tranh chấp đất đai tại khu đất tranh chấp, trong đó có việc UBND thị trấn Đ tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai, UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn (cũ) có cấp giấy phép xây dựng và UBND thị trấn Đ có tiến hành lập biên bản yêu cầu tạm dừng thi công xây dựng công trình nhà cấp 4 của hộ ông Nguyễn Văn K2, do các bên có tranh chấp về đất đai.

Đến thời điểm hiện tại qua tìm kiếm hồ sơ được lưu trữ tại UBND xã C, tỉnh Lạng Sơn thì hồ sơ phương án đền bù thiệt hại GPMB đường nối thị trấn Đ

ra Quốc lộ I mới, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (năm 2001), trong đó có liên quan đến 03 thửa đất có tranh chấp chỉ có hồ sơ xin thẩm định phương án đền bù của dự án (Biên bản xác định đất đai bị thu hồi, tài sản trên đất; hồ sơ bản vẽ kỹ thuật thửa đất), chứ chưa tìm thấy hồ sơ phê duyệt phương án Bồi thường cho các hộ gia đình, cá nhân, do đó chưa có đủ cơ sở để xác định việc UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn (cũ) thu hồi đất, giải phóng mặt bằng năm 2001, để xây dựng công trình đường nối từ thị trấn Đ vào quốc lộ 1A mới thuộc huyện C (cũ), đoạn qua 03 thửa đất có tranh chấp có thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đối tượng theo quy định pháp luật không.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N (A), do ông Lê Minh T trình bày: Ngày 17-12-2024 Ngân hàng A có ký hợp đồng tín dụng số 8412-LAV-202401699 với chị Nguyễn Bích N, ông Nguyễn Thế K1, bà Hứa Thị V vay số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 17-12-2029 có thể chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 103 các bên đang tranh chấp. Ngân hàng xác nhận Ngân hàng đang sử dụng làm tường bao vào diện tích 2,2 m² thuộc một của thửa 105 của hộ ông K2 đã được cấp GCNQSDĐ năm 2003 và cũng nhất trí với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và các đương sự khác trong vụ án xác định các bên không tranh chấp, nhất trí với nguyên đơn về việc rút yêu cầu đối với phần diện tích 2,2 m² thuộc một phần thửa 105 có tường xây của ngân hàng, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với diện tích 0,3m² thuộc thửa 112 của Ngân hàng N mà ông K2 xây lấn sang, Ngân hàng cũng không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết tranh chấp trong vụ án này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, bao gồm: Ông Nguyễn Hải Đ, anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N, bà Nguyễn Bích T, anh Nguyễn Quang H, chị Nguyễn Thị Hải Y, bà Hứa Thị V, chị Nguyễn Bích H, chị Nguyễn Bích N, ông Đặng Xuân H, ông Đặng Xuân C, bà Phạm Thị Thu H, chị Đặng Thị Thanh M, bà Đặng Thị T, chị Nguyễn Phương A, chị Nguyễn Thị T đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn quyết định:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế theo diện tích hiện trạng sử dụng thực tế, đối với ½ diện tích của thửa 103 là 92,5m² đất và ½ diện tích của thửa 105 là 65,2m² đất, chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền đất; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế ½ diện tích của thửa 104 là 67,65m² bằng hiện vật; chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D đối với ½ diện tích của thửa 103 là 92,5m², thửa 104 là 67,65m² và ½ diện tích của thửa 105 là 65,2m² đất, tổng di sản thừa kế có giá trị là 2.478.850.000 đồng cho những người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị D được hưởng kỹ phần tài sản bằng tiền gồm các ông bà: Nguyễn Thị M, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thế K1, Nguyễn Phương H,

Nguyễn Thị H (đã chết), Nguyễn Ngọc K2 mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế số tiền là 275.427.777 đồng. Anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N được hưởng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị H mỗi người số tiền là 137.713.888 đồng.

1.2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xác định người quản lý di sản thừa kế là 03 ông Nguyễn Thế K1, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Ngọc K2 và tính công sức quản lý di sản của ông Nguyễn Thế K1, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Ngọc K2 bằng giá trị một kỹ phần thừa kế là 275.427.777 đồng, mỗi người được hưởng số tiền là 91.809.259 đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về được quyền quản lý, sử dụng thửa 104, diện tích 135,3m² đất theo hiện trạng sử dụng thực tế, tờ bản đồ 25b bản đồ địa chính thị trấn Đ (nay là xã C) tỷ lệ 1/500, lập năm 1999-2000, diện tích 138m² đất ở đô thị và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tại thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn (khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cũ), để xây nhà thờ bố, mẹ, tổ tiên.

2. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Khắc T (Nguyễn Văn T):

2.1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Khắc T về xác định thửa đất 104 diện tích 135,3m² đất theo hiện trạng thực tế sử dụng là tài sản chung của hộ bị đơn.

2.2. Giá trị tài sản ông Nguyễn Khắc T được chia hưởng thừa kế là 275.427.777 đồng, cộng với 91.809.259 đồng công sức quản lý, tôn tạo tài sản, di sản thừa kế, tổng số tiền là 367.237.036 đồng.

Buộc ông Nguyễn Khắc T phải có trách nhiệm thanh toán trả chênh lệch kỹ phần di sản thừa kế cho: bà Nguyễn Thị T số tiền còn lại là 176.020.367 đồng; bà Nguyễn Kim H số tiền 200.892.597 đồng.

2.3. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Khắc T được quyền quản lý, sử dụng thửa 104 diện tích 125,9m² đất, theo hiện trạng sử dụng thực tế và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2.4. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Khắc T về yêu cầu ông Nguyễn Ngọc K2 di dời đi nơi khác và tự chịu chi phí di dời đối với tài sản công trình là 01 đoạn móng bê tông xây gạch chỉ xây năm 2024 (trên thửa tạm 104.3). Buộc ông Nguyễn Ngọc K2 có trách nhiệm thanh toán trả giá trị 9,4m² đất (thửa tạm 104.4, 104.5, 104.6) thuộc một phần thửa 104 theo giá đất đã được Hội đồng định giá trong vụ án này cho bị đơn ông Nguyễn Khắc T.

2.5. Buộc ông Nguyễn Ngọc K2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Khắc T giá trị quyền sử dụng diện tích đất 9,4m² đất ở tại đô thị (thửa tạm 104.4, 104.5, 104.6) thuộc một phần thửa 104 nêu tại mục 4 nêu trên với tổng số tiền là 103.400.000 đồng.

3. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế K1:

3.1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung thừa 103 diện tích 185m² đất theo hiện trạng sử dụng thực tế. Xác định 1/2 diện tích của thửa đất 103 tương ứng là 92,5m² đất theo hiện trạng sử dụng thực tế là tài sản chung của hộ ông Nguyễn Thế K1. Xác định 1/2 diện tích của thửa đất 103 tương ứng là 92,5m² đất theo hiện trạng sử dụng thực tế là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D.

3.2. Giá trị tài sản ông Nguyễn Thế K1 được chia hưởng thừa kế là 275.427.777 đồng, cộng với 91.809.259 đồng công sức quản lý, tôn tạo tài sản, di sản thừa kế, tổng số tiền là 367.237.036 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thế K1 có trách nhiệm phải thanh toán trả chênh lệch kỹ phần di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Phương T mỗi người số tiền là 275.427.777 đồng; bà Nguyễn Thị T số tiền 99.407.410 đồng.

3.3. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thế K1 được quyền quản lý, sử dụng thửa 103 diện tích 185m² theo hiện trạng sử dụng thực tế và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả 1/2 diện tích đất và tài sản gắn liền với 1/2 diện tích đất đem chia thừa kế).

4. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc K2 (Nguyễn Văn K2):

4.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc K2 về chia di sản thừa kế đối với toàn bộ diện tích 03 thửa đất 103, 104, 105 theo hiện trạng sử dụng thực tế.

4.2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung thừa 105 diện tích 130,4m² theo hiện trạng sử dụng thực tế. Xác định 1/2 diện tích của thửa đất 105 là 65,2m² đất theo hiện trạng sử dụng thực tế là tài sản chung của hộ ông Nguyễn Ngọc K2. Xác định 1/2 diện tích của thửa đất 105 là 65,2m² đất theo hiện trạng sử dụng thực tế là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D.

4.3. Giá trị tài sản ông Nguyễn Ngọc K2 được chia hưởng thừa kế là 275.427.777 đồng, cộng với 91.809.259 đồng công sức quản lý, tôn tạo tài sản, di sản thừa kế, tổng số tiền là 367.237.036 đồng.

Buộc ông Nguyễn Ngọc K2 phải trả chênh lệch kỹ phần di sản thừa kế cho: bà Nguyễn Kim H số tiền còn lại là 74.535.180 đồng; anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N được hưởng thừa kế thế vị số tiền 275.427.777 đồng, mỗi người anh Nguyễn Hải D và chị Nguyễn Thị Quỳnh N được hưởng là 137.713.888 đồng.

4.4. Ông Nguyễn Ngọc K2 được quyền quản lý, sử dụng thửa 105 diện tích 130,4m² đất thuộc một phần diện tích thửa 105 (bao gồm cả 1/2 diện tích đất đem chia thừa kế) và 9,4m² đất (các thửa tạm 104.4, 104.5, 104.6) thuộc một phần diện tích thửa 104, theo hiện trạng sử dụng thực tế và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa 105 diện tích 130,4m² đất thuộc một phần diện tích thửa 105 và 9,4m² đất (các thửa tạm 104.4, 104.5, 104.6) thuộc một phần diện tích thửa 104.

Ông K1, ông T, ông K2 có quyền, nghĩa vụ đăng ký, kê khai biên động với cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật đất đai.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ông Nguyễn Khắc T kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 25b, nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chia thừa kế đối với thửa đất số 104, công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Khắc T đối với thửa đất số 104.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị không chia thừa kế đối với thửa đất số 104, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc T đối với thửa đất số 104, đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không nhất trí đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Ngọc K2, bà Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Thị T nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T nhất trí với ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế 1/2 thửa 103, 104, 105 là không có căn cứ. Nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T đối với thửa 104 là có căn cứ.

Xét nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 60/QĐ-VKS-DS ngày 24/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Thấy Bản án sơ thẩm có các vi phạm về tố tụng và nội dung, tuy nhiên một số vi phạm, thiếu sót của Bản án sơ thẩm cấp phúc thẩm có thể khắc phục được, Tòa án cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng tố tụng dẫn đến phải hủy Bản án sơ thẩm nên Viện kiểm sát thay đổi nội dung kháng nghị đề nghị sửa Bản án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn. Đồng thời xác định lại nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập lần thứ ba, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hàng thừa kế: Bố mẹ của nguyên đơn, bị đơn là cụ Nguyễn Tất V (chết năm 1984) và cụ Nguyễn Thị D (chết năm 1996). Hai cụ sinh được 09 người con gồm: Ông Nguyễn Thích V (chết năm 1972 khi tham gia kháng chiến chống Mỹ, không có vợ con); bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Phương T; bà Nguyễn Kim H; bà Nguyễn Thị H (đã chết ngày 22-4-2025), có chồng là ông Nguyễn Hải Đ và 02 con anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N); bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Thế K1; ông Nguyễn Khắc T; ông Nguyễn Ngọc K2. Hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác.

[3] Về xác định di sản thừa kế: Năm 1965, hai cụ Nguyễn Tất V và cụ Nguyễn Thị D mua lại 01 mảnh đất có tổng diện tích khoảng 486,6m², tại khu T, thị trấn Đ (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn của ông Nguyễn Văn C (đã chết từ lâu, không rõ năm chết). Thời điểm này hai cụ chưa được cấp GCNQSDĐ, không đứng tên trên các tài liệu quản lý nhà nước về đất đai. Năm 1975, hai cụ xây căn nhà cấp 4 (02 gian) bằng gạch để làm nhà ở của gia đình. Năm 1984 cụ Nguyễn Tất V chết không để lại di chúc. Năm 1991, cụ Nguyễn Thị D xây thêm 01 gian nhà cấp 4 bằng gạch, tổng là 03 gian nhà cấp 4 trên thửa đất nêu trên. Cùng năm 1991, cụ Nguyễn Thị D đã chia cho ba người con trai Nguyễn Thế K1, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Ngọc K2 mỗi người một gian nhà trên diện tích đất đó ở riêng, bà D ở cùng ông K1, nên được chia phần diện tích nhiều hơn. Ba ông K1, T, K2 đã quản lý, sử dụng phần đất, nhà được chia từ khi cụ D còn sống. Sau khi cụ Nguyễn Thị D chết không để lại di chúc, năm 1999 thị trấn Đ được đo đạc bản đồ

địa chính thì mảnh đất ban đầu được chia thành 03 thửa đất số 103, 104, 105 và cùng năm 1999 nhà nước đã thu hồi một phần diện tích nên tổng diện tích đất còn lại là 462,9m² đất ở đô thị, cùng tờ bản đồ 25b bản đồ địa chính thị trấn Đ nay là xã C tỷ lệ 1/500, lập năm 1999-2000, tọa tại thôn T, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất của ai đang quản lý, sử dụng thì người đó ký nhận thửa đất của mình. Ngày 21-8-2003, ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Khắc T, ông Nguyễn Ngọc K2 đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ đối với thửa 103, 104, 105, sau đó tạo lập thêm tài sản, quản lý, sử dụng đất liên tục, công khai đến năm 2024 mới phát sinh tranh chấp. Cụ thể: GCNQSDĐ thửa đất số 103, diện tích 186,6m², số phát hành W948469, số vào sổ cấp GCN: 00436 QSDĐ/L245/QĐ-UB, cấp cho hộ ông Nguyễn Thế K1. GCNQSDĐ thửa đất số 104, diện tích 138,0m², số phát hành W948470, số vào sổ cấp GCN: 00435 QSDĐ/L245/QĐ-UB cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc T. GCNQSDĐ thửa đất số 105, diện tích 138,3m², số phát hành W948468, số vào sổ cấp GCN: 00437 QSDĐ/L245/QĐ-UB, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K2.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, thấy rằng: Mảnh đất hai cụ Nguyễn Tất V và Nguyễn Thị D để lại, hai cụ chưa được cấp GCNQSDĐ do trước năm 1999 diện tích đất tranh chấp chưa được đo đạc bản đồ địa chính nhưng có tài sản của các cụ để lại. Năm 1991 cụ Nguyễn Thị D phân chia cho ba người con trai là ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Khắc T, ông Nguyễn Ngọc K2 quản lý sử dụng mỗi người 01 gian nhà trên diện tích đất để ở riêng; theo phong tục tập quán địa phương vẫn thường thực hiện như vậy (nay là thửa 103, 104, 105) không ai có ý kiến, khiếu nại gì về việc cấp đất, xây nhà. Bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Phương T đều thừa nhận sự việc năm 1991, cụ D để lại cho ba anh em trai quản lý, sử dụng thửa 103, 104, 105 và tài sản trên mỗi thửa đất là 01 gian nhà (Bút lục 183, 196, 201, 274, 279, 304, 356, 359, 362, 474). Các chị em gái đều đã lập gia đình, sinh sống trong cùng khu phố, gần khu đất tranh chấp và thường xuyên về thắp hương cho các cụ tại nhà ông K1 vào các dịp lễ, tết (cũng theo phong tục tập quán của địa phương). Quá trình quản lý, sử dụng đất của ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Khắc T, ông Nguyễn Ngọc K2 liên tục, công khai cho đến năm 2024 mới phát sinh tranh chấp. Điều đó thể hiện ý chí của các chị em trong gia đình đã biết việc phân chia các thửa đất nêu trên của cụ Nguyễn Thị D cho ba anh em trai nhưng không phản đối. Những người được chia đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định từ năm 1991 cho đến nay và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp GCNQSDĐ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị chia thừa kế để lấy thửa đất 104 để làm nhà thờ bố mẹ là không có cơ sở.

[5] Việc phân chia tài sản của cụ đã được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai; không ai tranh chấp nên có cơ sở xác định nhà, đất không còn là di sản thừa kế của cụ D nữa, (nhà và đất các ông K1, ông T, ông K2 đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993; thời điểm Luật đất đai 1993 có hiệu lực) mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của các cá

nhân là hộ gia đình của ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Khắc T, ông Nguyễn Ngọc K2.

[6] Bản án sơ thẩm xác định ½ diện tích của 03 thửa đất tranh chấp đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Khắc T, ông Nguyễn Ngọc K2 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế K1, Nguyễn Ngọc K2 về việc chia di sản thừa kế là không có căn cứ. Do xác định không đúng di sản thừa kế nên việc Bản án sơ thẩm buộc các đương sự chịu chi phí tố tụng và án phí theo giá trị tài sản được chia là không đảm bảo, cần sửa lại toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng sau:

[7] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc chia di sản thừa kế đối với ½ diện tích đất theo hiện trạng sử dụng thực tế thuộc các thửa đất số 103 (diện tích 185m²), 104 (diện tích 135,3m²), 105 (diện tích 130,4m²) cùng tờ số 25b bản đồ địa chính thị trấn Đ lập năm 1999, tỷ lệ 1/500.

[8] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Khắc T: Ông Nguyễn Khắc T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 104 và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ đã được cấp.

[9] Đối với 14,4m² đất ông Nguyễn Ngọc K2 đang quản lý sử dụng lấn chiếm vào diện tích thửa đất số 104 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Khắc T:

[9.1] Tại thửa tạm 104.5 có diện tích 5,1m² vị trí đỉnh thửa N3, N4, B11, năm 2006 ông K2 đã xây nhà 02 tầng, đây là công trình kiên cố trên đất không thể di dời, nên Ông K2 được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất này và phải bồi thường giá trị đất cho bị đơn số tiền là $5,1\text{m}^2 \times 11.000.000^d = 56.100.000^d$ (Năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

[9.2] Tại thửa tạm 104.3 có diện tích 5,0m² vị trí đỉnh thửa A13, A14, N2, N1 có móng bê tông xây gạch chỉ, kích thước 7m x 0,4m x 0,4m (cả phần nổi và phần chìm dưới đất) của ông K2 xây dựng năm 2024; tại thửa tạm 104.4 có diện tích 3,6m² vị trí đỉnh thửa N1, N2, N3, N4 (01 bức tường kính thước 0,7m x 5,6 m); tại thửa tạm 104.6 có diện tích 0,7m² vị trí đỉnh thửa N1, A12, A13 (tường nhà kính thước 0,7m x 2m xây dựng năm 2024). Ngay khi phát hiện ra ông T đã có đơn đề nghị UBND thị trấn Đ hòa giải tranh chấp đất đai, ông K2 thực tế đã bị đình chỉ xây dựng công trình nhà cấp 4 đang xây, do vậy, trong các công trình này hiện trạng không có công trình gì kiên cố khác trên đó nên có thể di dời đi nơi khác, dó đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông K2 phải dời các tài sản trên và ông K2 tự chịu chi phí di dời, trả lại diện tích 9,3m² đất ở tại đô thị, để cho ông Nguyễn Khắc T tiếp tục quản lý, sử dụng đất.

[10] Đối với tài sản 01 bức tường xây gạch chỉ của ông K1 xây năm 2020 trên thửa 104 để chống trượt, các đương sự nhất trí với ý kiến, yêu cầu của ông K1 trường hợp ai được quyền quản lý, sử dụng đất có tài sản này thì người đó

được quyền sở hữu. Do ông T được quản lý, sử dụng đất phân có tài sản này nên ông T được quyền sở hữu 01 bức tường xây gạch chỉ của ông K1 xây năm 2020 trên thửa 104.

[11] Đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc một phần diện tích thửa 103, 104, 105 đã cấp GCNQSDĐ cho ông K1, ông T, ông K2 mà hiện trạng do ông Lâm Hoài T, ông Lý Tiến D và Ngân hàng N (Chi nhánh C Lạng Sơn) đang quản lý, sử dụng, gồm: 1,6m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc một phần diện tích thửa 103 đã cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho hộ ông K1; 2,7m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc một phần diện tích thửa 104 đã cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho hộ ông T; 5,7m² và 2,2m² đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc một phần diện tích thửa 105 đã cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho hộ ông K2. Xét thấy các đương sự không có tranh chấp, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M rút yêu cầu và các đương sự nhất trí nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu đã rút là có căn cứ. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Ngọc K2, thấy rằng: Ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Ngọc K2 có đơn yêu cầu độc lập nhưng các nội dung yêu cầu độc lập của ông K1, ông K2 lại trùng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu độc lập là không đảm bảo quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cũng như thụ lý yêu cầu phản tố sau ngày tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải là vi phạm khoản 2 Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất nội dung của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không cần huỷ bản án sơ thẩm.

[13] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát, thấy rằng: Ngoài những sai sót đối với việc xác định di sản thừa kế, chia di sản thừa kế, thụ lý yêu cầu độc lập, xác định chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm đã phân tích nêu trên, Bản án sơ thẩm còn một số vi phạm như sau:

[13.1] Vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ: Bản án sơ thẩm tuyên cho các cá nhân ông K1, ông T, ông K2 được quản lý, sử dụng các thửa đất 103, 104, 105 là mâu thuẫn, ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên trong hộ gia đình ông T, ông K1, ông K2. Tại nhận định [6] của Bản án sơ thẩm xác định diện tích 67,65m² thuộc thửa 104 là tài sản chung của hộ ông T nhưng mục 2.1 phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T về việc xác định thửa 104 diện tích 135,3m² là tài sản chung của hộ ông T, như vậy là mâu thuẫn.

[13.2] Vi phạm xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Bà Nguyễn Thị H chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm ông Nguyễn Hải Đ, anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định ông Đ,

anh D, chị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là xác định không đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Xét thấy Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể khắc phục, những vi phạm, sai sót trên do vậy cần sửa Bản án sơ thẩm.

[14] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc theo hợp đồng, định giá tài sản hết tổng số tiền là 26.477.000 đồng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu chi phí tố tụng đối với tổng diện tích 12,2m² đã rút yêu cầu khởi kiện và đối với toàn bộ yêu cầu không được chấp nhận, tổng số tiền là 26.477.000 đồng.

[15] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị M. Do việc thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế K1 và ông Nguyễn Ngọc K2 không đúng, nên ông Nguyễn Thế K1 và ông Nguyễn Ngọc K2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Ngọc K2 18.675.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000231 ngày 15-8-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; nhưng được trừ đi số tiền án phí phần đất 5,1m² đã xây dựng nhà 2006 là $56.100.000^d \times 5\% = 2.805.000^d$ (Hai triệu tám trăm linh năm nghìn đồng). Do yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Khắc T được chấp nhận nên ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[16] Về án phí phúc thẩm: Do sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nên bị đơn ông Nguyễn Khắc T là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn nộp đơn đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc K2 bồi thường thiệt hại ngôi nhà đã phá dỡ của bị đơn số tiền 250.000.000 đồng. Xét thấy đây là yêu cầu nằm ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này tại một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 176, Điều 242, Điều 256, khoản 1 Điều 636, khoản 3 Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 236, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 36, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 260 Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, cụ thể:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc chia di sản thừa kế.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Khắc T. Ông Nguyễn Khắc T được quyền quản lý sử dụng diện tích 130,2m² đất. Bao gồm:

+ Thừa tạm 104.1 diện tích 120,9 m² vị trí đỉnh thửa B2, B3, B4, B5, A14, A15.

+ Thừa tạm 104.3 có diện tích 5,0m² vị trí đỉnh thửa A13, A14, N2, N1.

+ Thừa tạm 104.4 có diện tích 3,6m² vị trí đỉnh thửa N1, N2, N3, N4.

+ Thừa tạm 104.6 có diện tích 0,7m² vị trí đỉnh thửa N1, A12, A13.

Các thửa tạm trên thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ 25-b, địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn; đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948470, số vào sổ cấp GCN: 00435 QSDĐ/L245/QĐ-UB, mang tên hộ ông Nguyễn Khắc T.

3. Buộc ông Nguyễn Ngọc K2 trả lại ông Nguyễn Khắc T diện tích 9,3m² tại các thửa tạm 104.3; 104.4; 104.6 (có diện tích và vị trí đỉnh thửa nêu tại mục 2).

4. Buộc ông Nguyễn Ngọc K2 phải di dời 01 móng bê tông xây gạch chỉ, kích thước 7m x 0,4m x 0,4m (cả phần nổi và phần chìm dưới đất) tại thửa tạm 104.3 trên diện tích 5,0m² vị trí đỉnh thửa A13, A14, N2, N1; 01 bức tường gạch kích thước 0,7m x 5,6m tại thửa tạm 104.4 trên diện tích 3,6m² vị trí đỉnh thửa N1, N2, N3, N4; 01 tường nhà kích thước 0,7m x 2m đang xây dựng tại thửa tạm 104.6 trên diện tích 0,7m² vị trí đỉnh thửa N1, A12, A13; thuộc một phần thửa đất số

104, tờ bản đồ 25-b, địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn.

5. Ông Nguyễn Ngọc K2 được sử dụng diện tích 5,1m² tại thửa tạm 104.5, vị trí đỉnh thửa N3, N4, B11; thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ 25-b, địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn; đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948470, số vào sổ cấp GCN: 00435 QSDĐ/L245/QĐ-UB, mang tên hộ ông Nguyễn Khắc T.

6. Ông Nguyễn Ngọc K2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Khắc T giá trị quyền sử dụng diện tích 5,1m² đất với số tiền là 56.100.000^d (năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Kèm theo Bản án là Trích đo xác minh khu đất tranh chấp.

7. Ông Nguyễn Ngọc K2, ông Nguyễn Khắc T có quyền, nghĩa vụ thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

8. Buộc Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Phương T, bà Nguyễn Kim H, ông Nguyễn Hải Đ, anh Nguyễn Hải D, chị Nguyễn Thị Quỳnh N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thế K1, bà Hứa Thị V, chị Nguyễn Bích H, chị Nguyễn Bích N, ông Nguyễn Khắc T, bà Đặng Thị T, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Phương A, ông Nguyễn Ngọc K2, bà Nguyễn Bích T, anh Nguyễn Quang H, chị Nguyễn Thị Hải Y chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất nêu trên.

9. Đình chỉ giải quyết đối với các diện tích đất nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã rút yêu cầu:

9.1. Diện tích 1,6m² đất (thửa tạm 103.2) và tài sản gắn liền với đất, thuộc một phần thửa đất số 103, tờ bản đồ 25-b, địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn; đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948469, số vào sổ cấp GCN: 00436 QSDĐ/L245/QĐ-UB, mang tên hộ ông Nguyễn Thế K1, hiện trạng do ông Lý Tiến D và ông Lâm Hoài T đang quản lý, sử dụng.

9.2. Diện tích 2,7m² đất (thửa tạm 104.2) và tài sản gắn liền với đất, thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ 25-b, địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn; đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948470, số vào sổ cấp GCN: 00435 QSDĐ/L245/QĐ-UB, mang tên hộ ông Nguyễn Khắc T, hiện trạng do ông Lâm Hoài T đang quản lý, sử dụng.

9.3. Diện tích 5,7m² đất (thửa tạm 105.2) và tài sản gắn liền với đất, thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ 25-b, địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn; đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948468, số vào sổ cấp GCN: 00437 QSDĐ/L245/QĐ-

UB, mang tên hộ ông Nguyễn Văn K2, hiện trạng do ông Lâm Hoài T đang quản lý, sử dụng.

9.4. Diện tích 2,2m² đất (thửa tạm 105.3) và tài sản gắn liền với đất, thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ 25-b, địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn T, xã C) tỉnh Lạng Sơn; đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số phát hành W948468, số vào sổ cấp GCN: 00437 QSDĐ/L245/QĐ-UB, mang tên hộ ông Nguyễn Văn K2, hiện trạng do Ngân hàng N (Chi nhánh C Lạng Sơn) đang quản lý, sử dụng.

Đương sự có quyền khởi kiện lại về phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

10. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 26.477.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Xác nhận bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ.

11. Về án phí

11.1. Án phí sơ thẩm

11.1.1. Bà Nguyễn Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

11.1.2. Ông Nguyễn Thế K1, ông Nguyễn Ngọc K2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Ngọc K2 đã nộp 18.975.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc K2 16.170.000 đồng (mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000231 ngày 15-8-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

11.1.3. Ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

11.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND Khu vực 4 - Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tuệ